



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Cấp thoát nước Bến Tre

Ngày 31/12/2025	18,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.7%	2.9%	9.0%

DT thuần Q4/25
56.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.60 -4.4%
YoY: ▲ 2.70 5.1%

LN thuần Q4/25
12.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.30 -29.2%
YoY: ▼0.90 -6.4%

LN sau thuế Q4/25
10.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.20 -37.2%
YoY: ▼0.80 -7.2%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
30.7%
YoY: +/- ▼ 0.7%

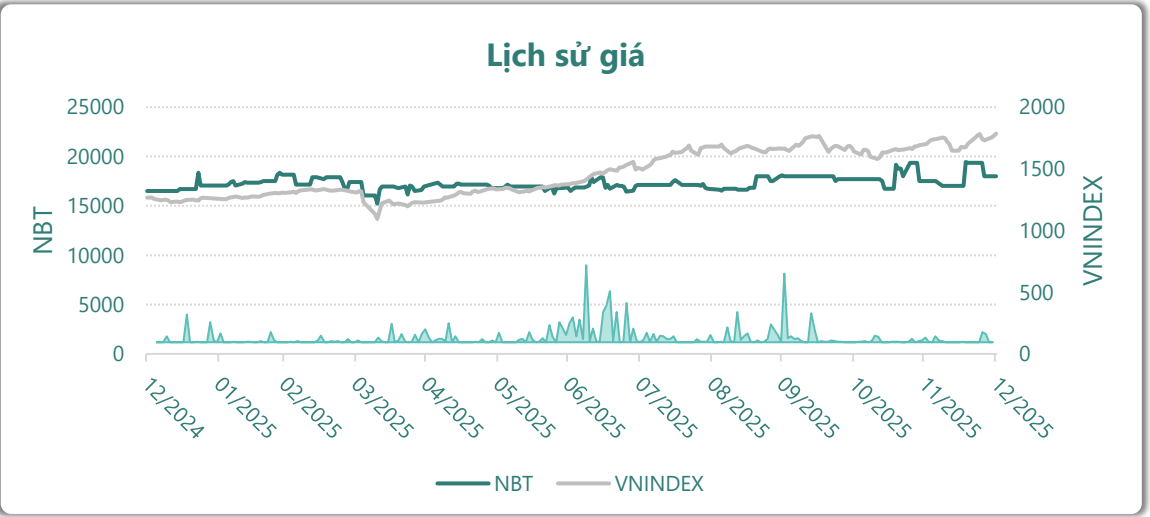
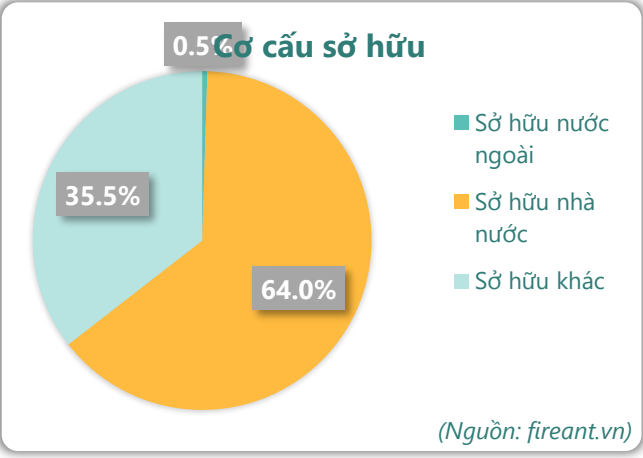
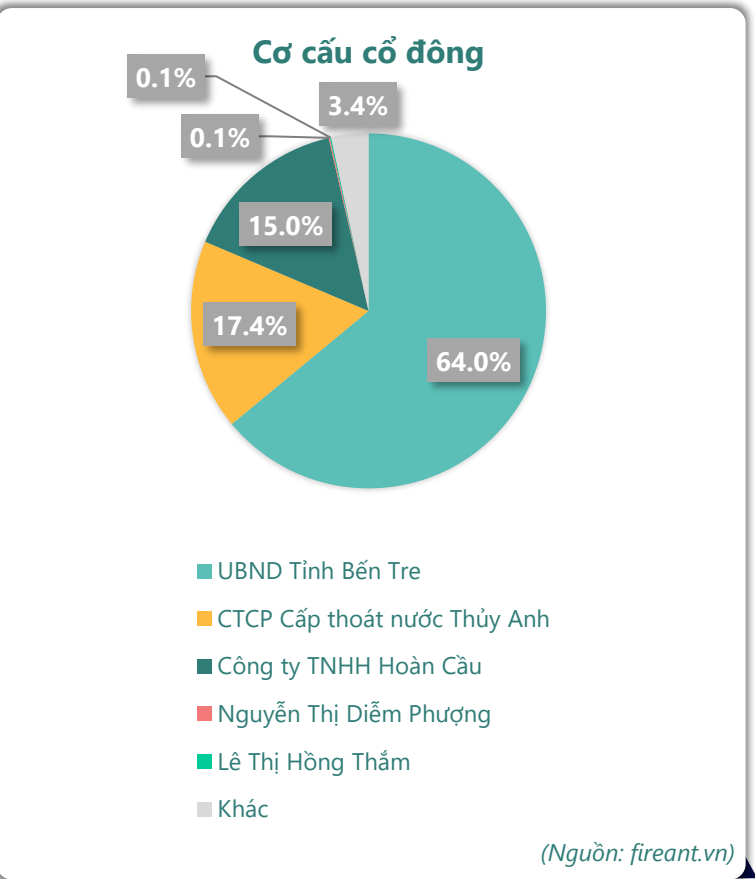
ROE 2025
12.4%
YoY: +/- ▼ 0.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	15,226 - 19,441
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	544
Số lượng CPLH (CP)	29,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	549
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	(0.41)
EPS	1,939
P/E	9.5

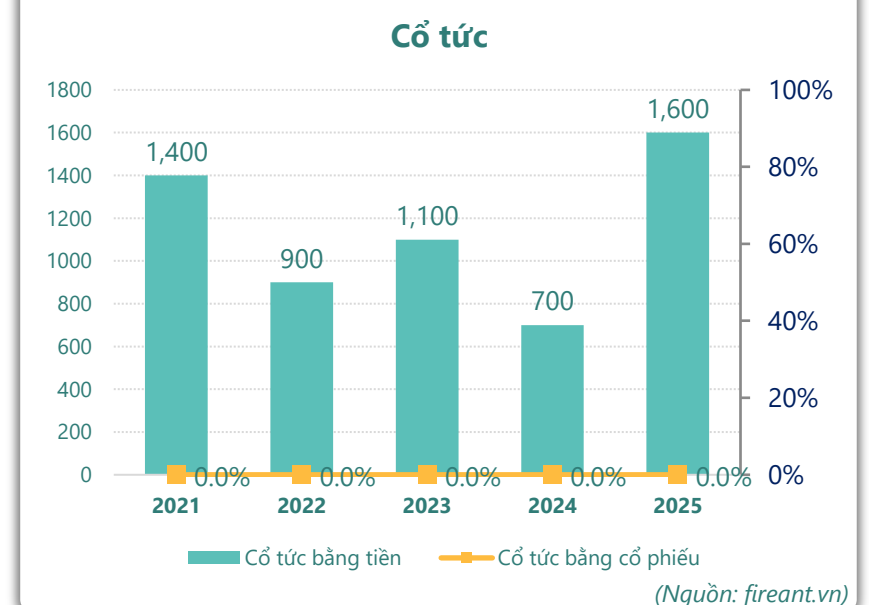
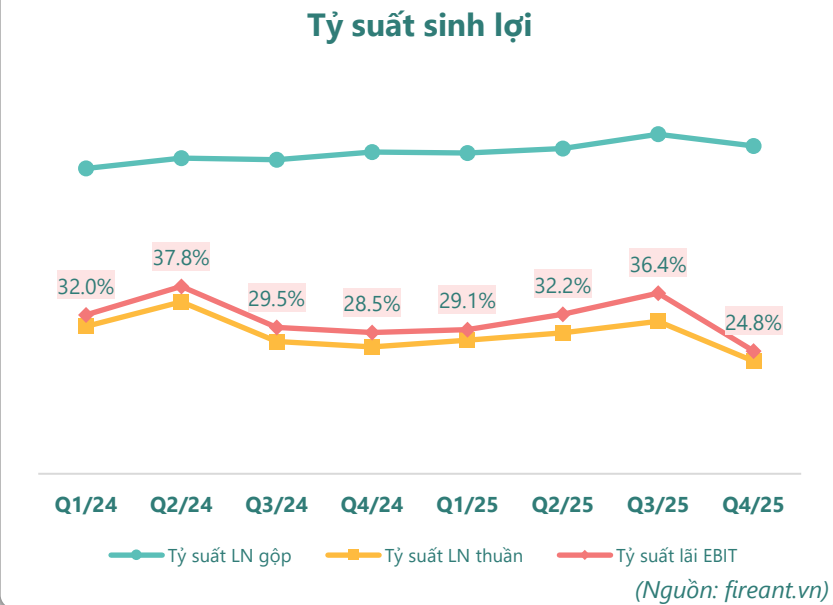
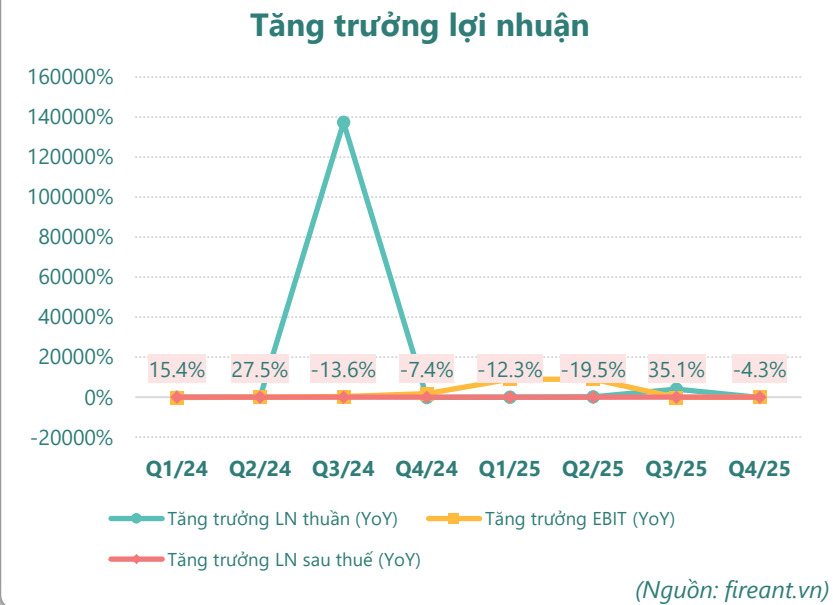
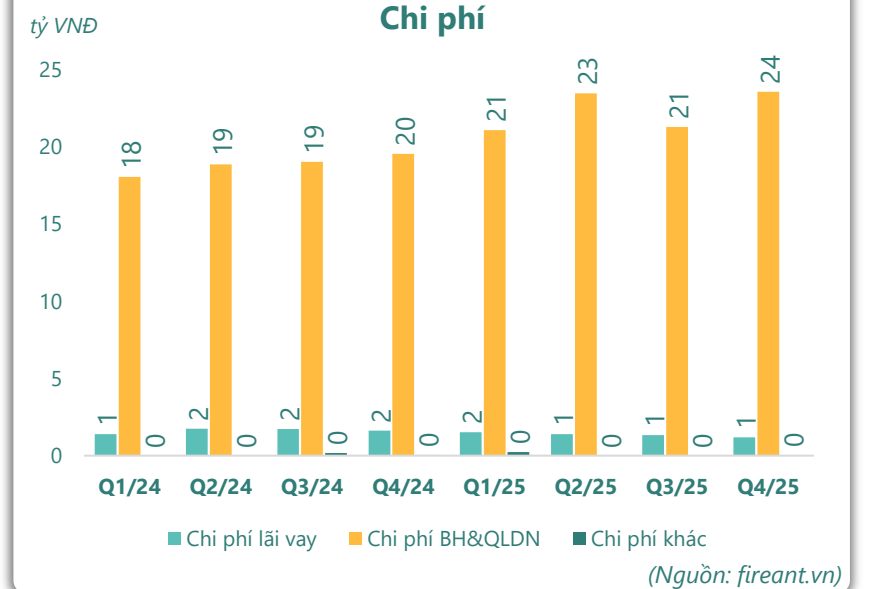
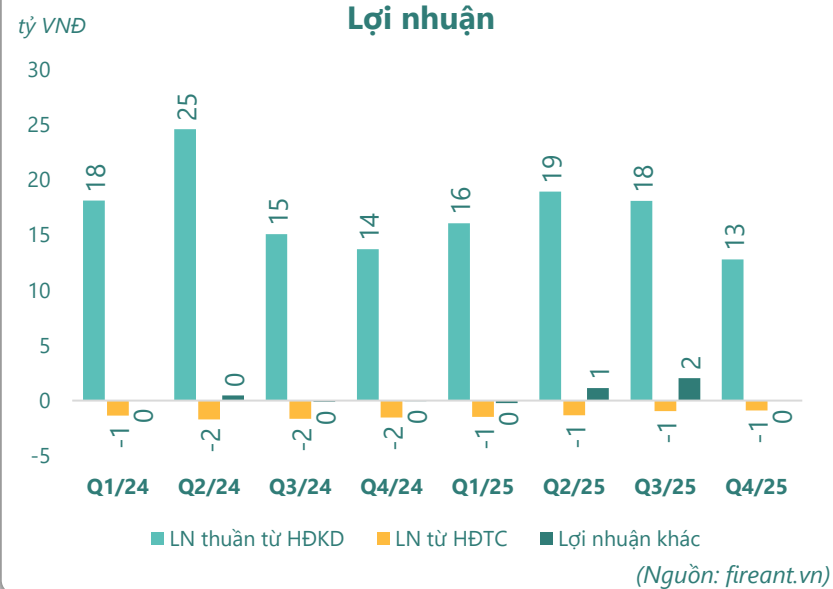
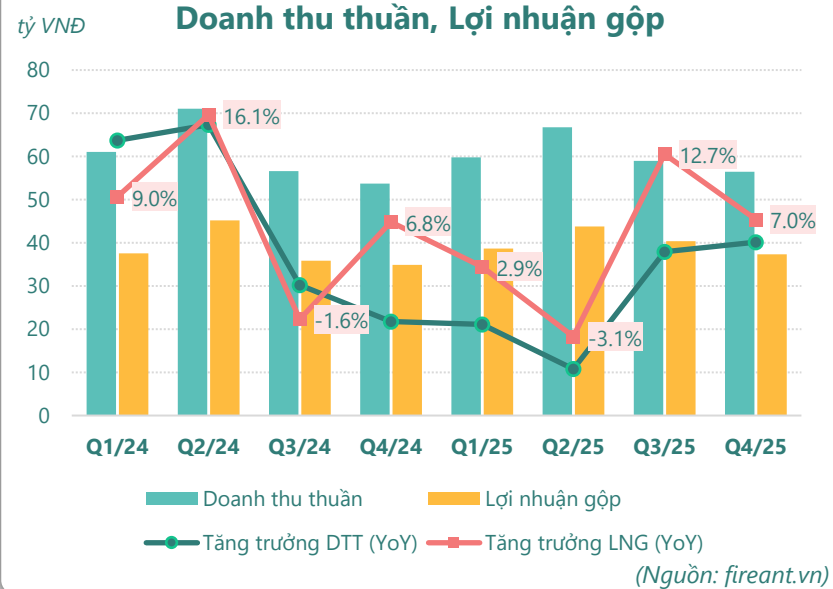
DT thuần 2025
242
tỷ VNĐ

LN thuần 2025
66.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.40 -5.0%

LN sau thuế 2025
57.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.80 -1.3%



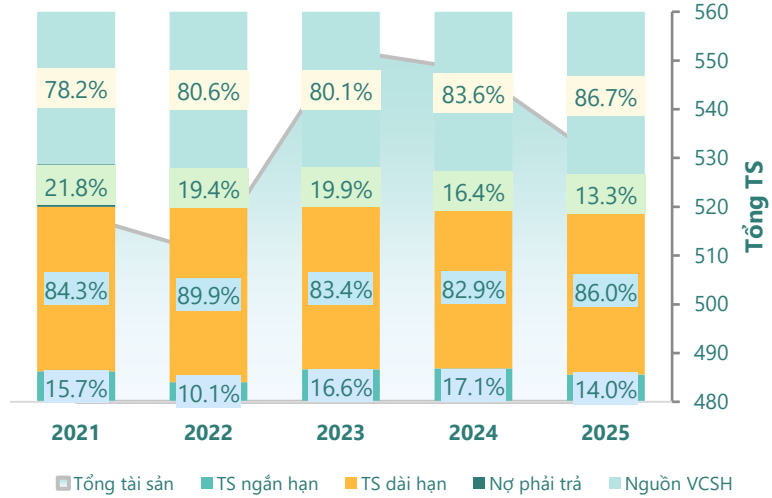
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

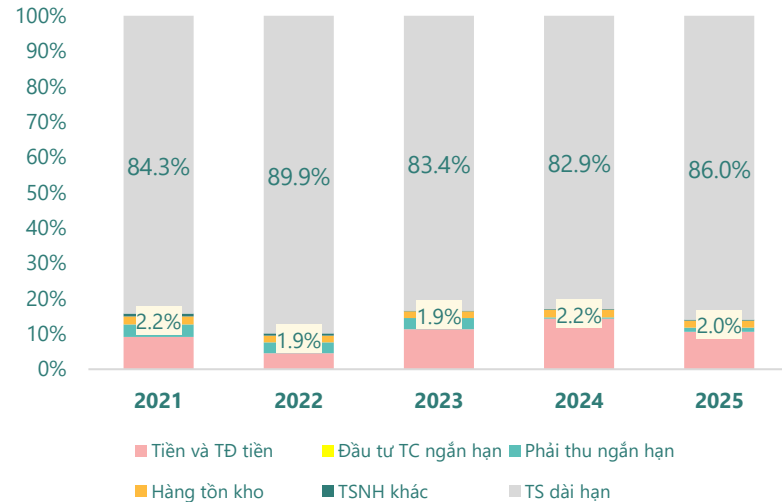
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

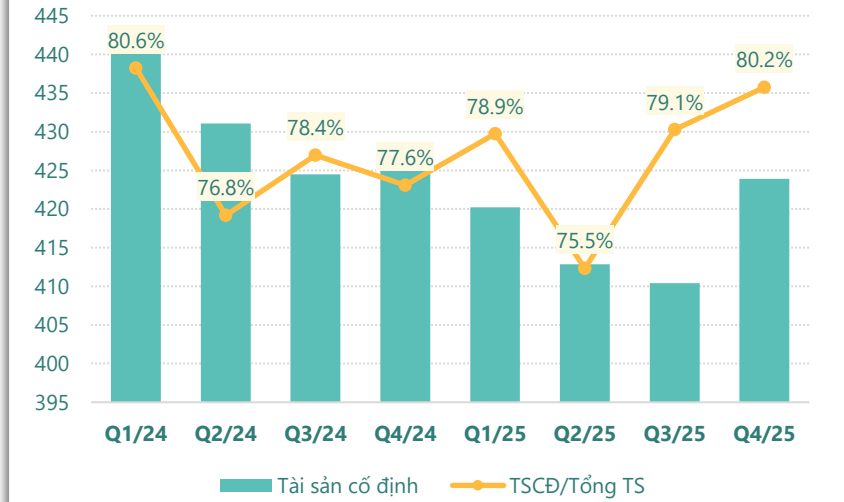
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

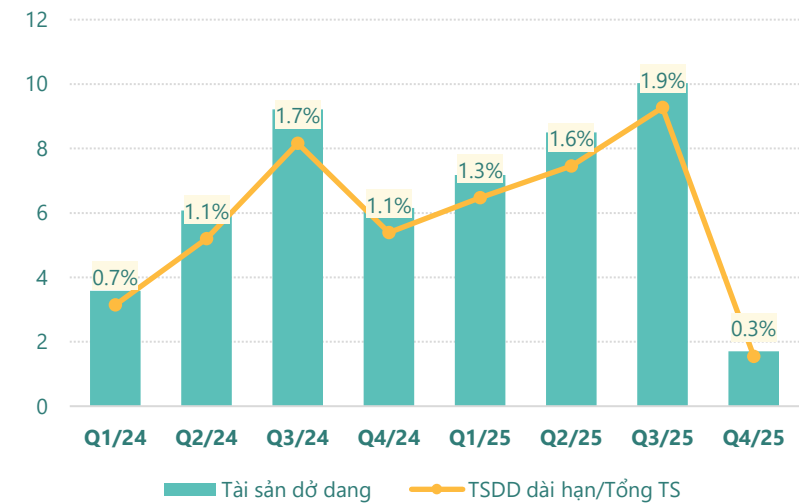
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

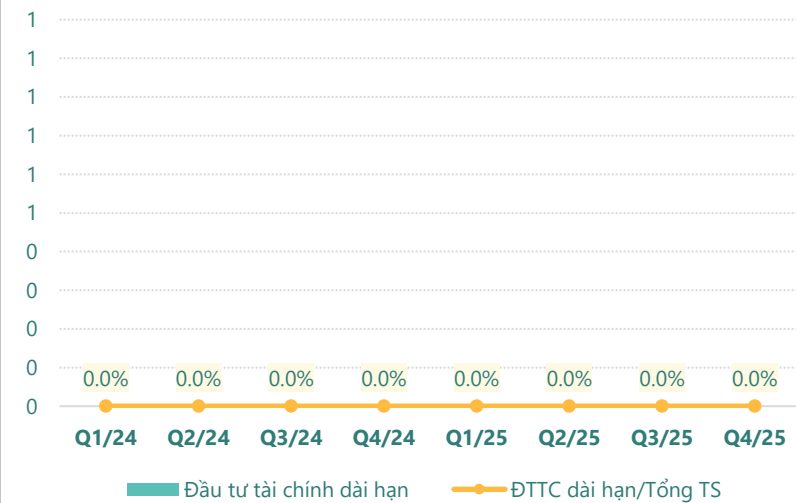
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

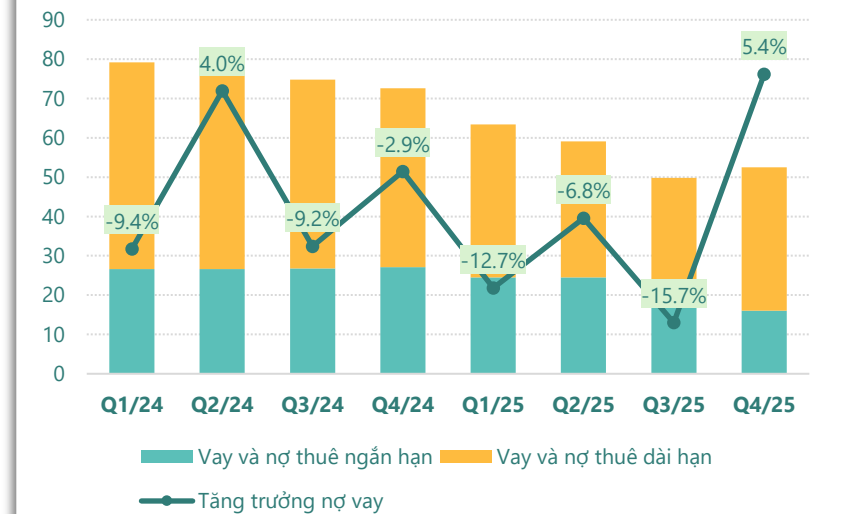
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

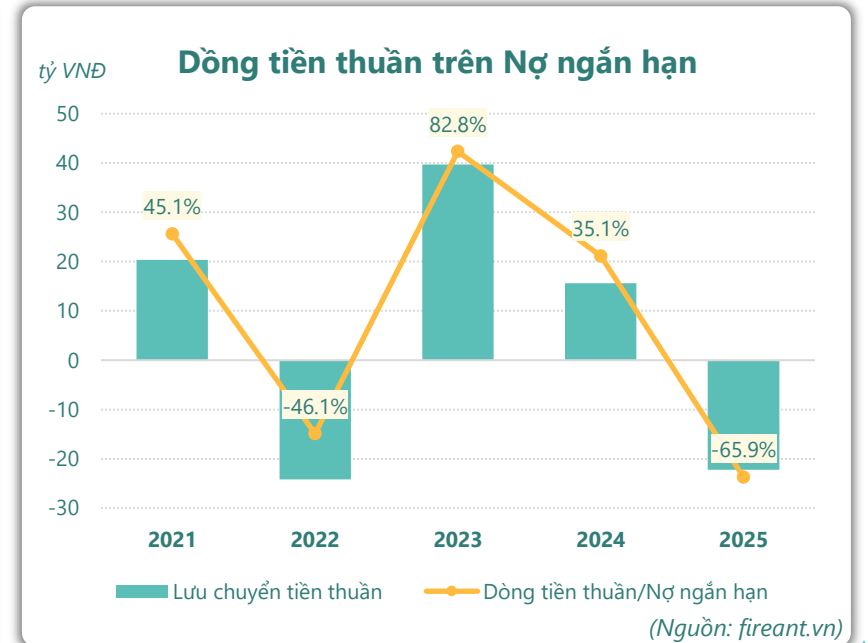
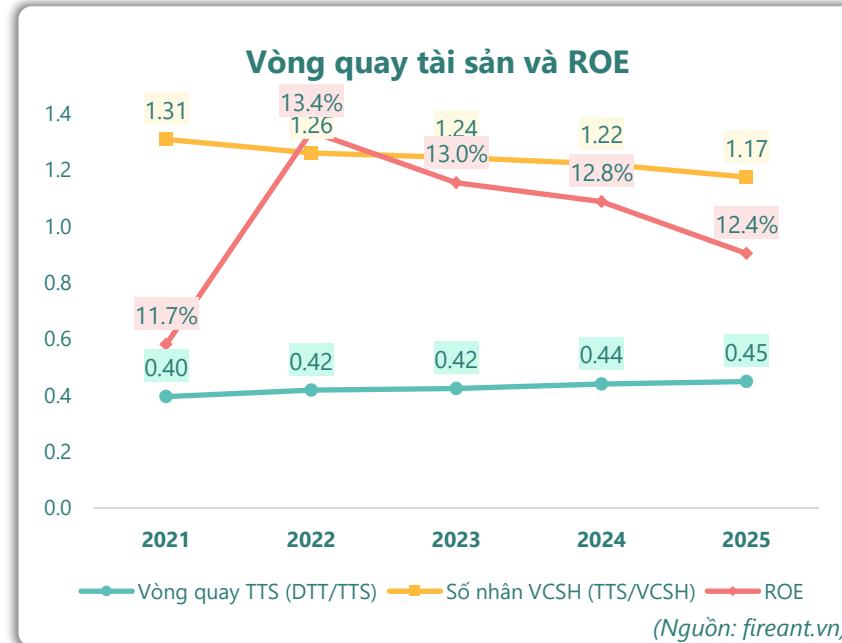
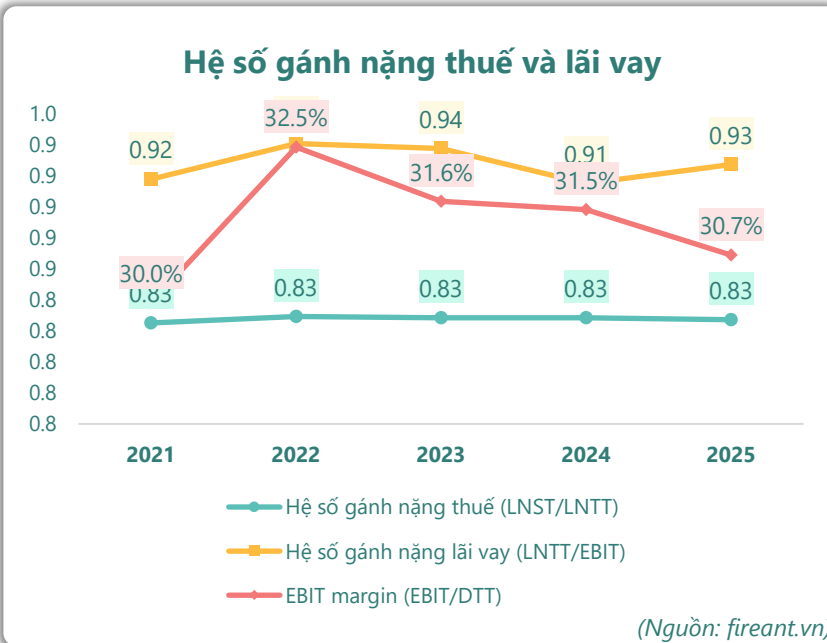
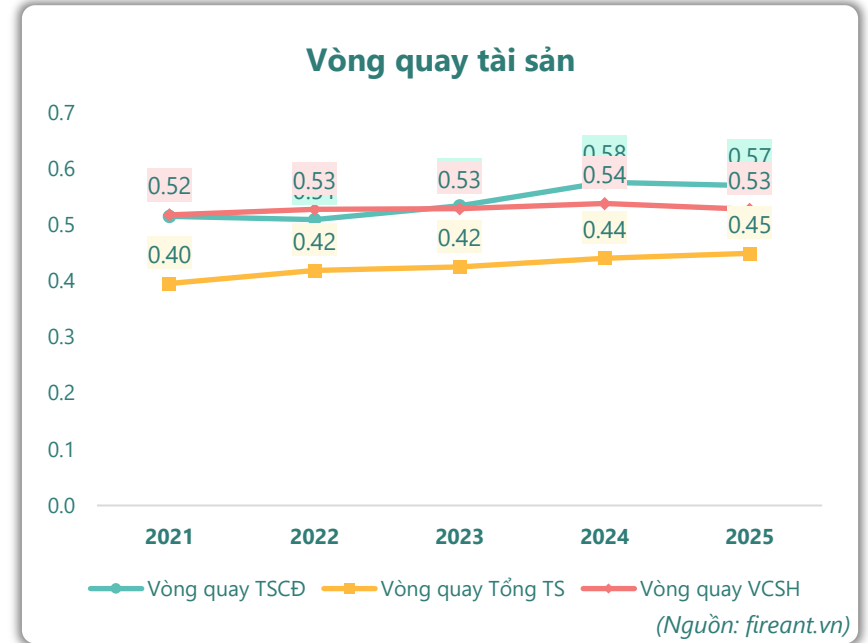
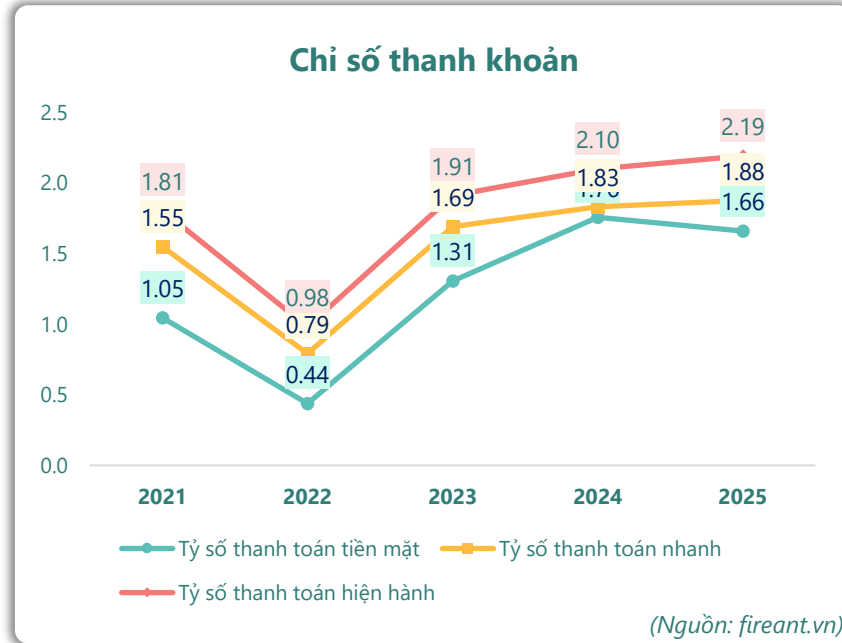
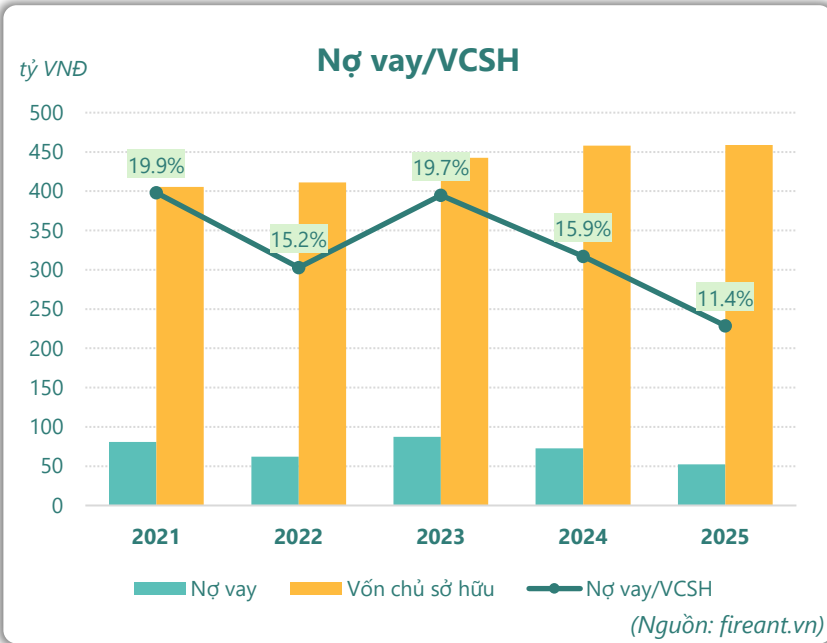
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	56.4	53.7	5.1%	242	242	-0.2%
Giá vốn hàng bán	19.1	18.9	1.2%	81.8	89.0	-8.1%
Lợi nhuận gộp	37.3	34.9	6.9%	160	153	4.5%
Doanh thu HĐTC	0.29	0.07	320%	0.76	0.20	277%
Chi phí TC	1.19	1.62	-26.7%	5.41	6.48	-16.5%
Chi phí lãi vay	1.19	1.62	-26.7%	5.41	6.48	-16.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	16.3	14.7	11.1%	63.7	56.1	13.6%
Chi phí QLDN	7.26	4.83	50.4%	25.8	21.5	19.8%
LN thuần từ HĐKD	12.8	13.7	-6.4%	66.0	69.4	-5.0%
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.05	44.5%	2.92	0.29	895%
LN trước thuế	12.8	13.7	-6.6%	68.9	69.7	-1.2%
Lợi nhuận sau thuế	10.5	11.3	-7.2%	57.0	57.8	-1.3%
LNST của CĐ cty mẹ	10.5	11.3	-7.2%	57.0	57.8	-1.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.5	21.4	12.3	26.2	21.8	17.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.45	-10.1	-6.50	-2.01	-8.48	-15.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-28.2	-2.14	-24.0	-4.32	-41.6	2.68
Tiền đầu kỳ	70.1	69.1	78.3	60.2	80.1	51.9
Lưu chuyển tiền thuần	-1.08	9.23	-18.1	19.9	-28.2	4.18
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	69.1	78.3	60.2	80.1	51.9	56.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	529	548	-3.5%
Tài sản ngắn hạn	74.1	93.5	-20.8%
Tiền và tương đương tiền	56.0	78.3	-28.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	6.08	2.02	201%
Hàng tồn kho	10.7	11.9	-10.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.28	1.30	-1.2%
Tài sản dài hạn	455	455	0.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	424	425	-0.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.70	5.99	-71.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	29.2	23.1	26.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	70.2	90.0	-22.0%
Nợ ngắn hạn	33.8	44.5	-24.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.0	27.1	-41.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.89	2.33	24.0%
Nợ dài hạn	36.5	45.5	-19.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	36.5	45.5	-19.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	459	458	0.1%
Vốn chủ sở hữu	459	458	0.1%
Vốn điều lệ	294	294	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

